

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 01 – 10 - 2018

V/v “Không công nhận là vợ
chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thịnh

2. Ông Lê Vĩnh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đại – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 tranh chấp về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Kim P, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn PL, xã CA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn PL, xã CA, huyện CL, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Kim P trình bày:

Ông Trần Kim P và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, có tổ chức lễ cưới, có viết Giấy khai đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, và có 04 đứa con chung. Nhưng vài năm trở lại đây thì mâu thuẫn vợ

chồng phát sinh, nguyên nhân do mâu thuẫn cuộc sống giữa cha với con dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Hiện tại, ông P và bà H đã ly thân gần 01 năm nay, đến nay thì tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của ông Trần Kim P đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có 04 cháu là Trần Kim T, sinh ngày 05/8/1990; Trần Thị Kim H1, sinh ngày 10/5/1993, Trần Thị Kim L, sinh ngày 10/12/1995, Trần Kim P2, sinh ngày 20/4/1998. Các con đều trên 18 tuổi nên ông P không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 30/5/2018, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Thực tế hai vợ chồng ông P, bà H có cưới hỏi, chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, có làm tờ khai đăng ký kết hôn nhưng sau đó UBND xã TG không ghi vào sổ kết hôn cho hai vợ chồng, và từ đó đến nay vợ chồng không có giấy đăng ký kết hôn. Còn về mặt tình cảm, quá trình chung sống bà H cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, việc ông Trần Kim P cương quyết ly hôn thì bà H cũng đồng ý.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Bà H cũng đồng ý với ý kiến của ông Trần Kim P nêu ra.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc chấp hành tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa đều tuân thủ đúng pháp luật. Về nội dung: Trên cơ sở lời khai của các đương sự, xác nhận của UBND xã Triệu Giang, Triệu Phong thì ông P, bà H không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình: Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký kết hôn trong vòng 2 năm, nếu quá 2 năm mà không đăng ký thì pháp luật không công nhận là vợ chồng. Theo Điều 14, 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nếu không có đăng ký kết hôn thì không công nhận là vợ chồng. Do đó cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông P, bà H. Về con chung, và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ.

[2] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Trần Kim P và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1989, có tổ chức đám hỏi, đám cưới. Trước khi kết hôn, bà H cư trú tại xã Triệu Giang,

huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ngày 18/5/1990, ông Trần Kim P và bà Nguyễn Thị H có viết Giấy khai đăng ký kết hôn tại UBND xã TG, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, nhưng sau đó không được UBND xã TG vào sổ đăng ký kết hôn và từ đó đến nay, ông P, bà H vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nào khác. Tại Văn bản số 44/UBND ngày 04/6/2018 của UBND xã TG đã trả lời “qua kiểm tra, đối chiếu sổ đăng ký kết hôn năm 1990 được lưu trữ tại UBND xã, không có tên ông Trần Kim P và bà Nguyễn Thị H...”. Như vậy, từ những tài liệu chứng cứ thu thập được, trên cơ sở lời trình bày của đương sự, có căn cứ xác định ông Trần Kim P và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” và tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Mặt khác, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông P, bà H đã đến mức trầm trọng, tình cảm không còn và hai người đã sống ly thân gần 1 năm nay. Căn cứ vào các quy định trên, xét thấy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Kim P và ý kiến đồng ý ly hôn của bà Nguyễn Thị H, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Kim P và bà Nguyễn Thị H.

Về con chung và tài sản chung: Do các con đã trên 18 tuổi, hai bên đều không có ý kiến gì; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Kim P và bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Ông Trần Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0001564 ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- UBND xã CA, huyện Cam Lộ;
- UBND xã TG, Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Dán án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý